

Số: 1282/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Đức, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1143/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1./ Ông Đỗ Minh Đ - sinh năm: 1985

Thường trú: 26 Tô 6, đường D, khu phố 4, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2./ Bà Trương Thị Thanh T - sinh năm: 1983

Thường trú: Căn hộ B15-12 Chung cư M 102 Đặng Văn B, khu phố 2, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/12/2020.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Minh Đ và bà Trương Thị Thanh T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 2009 ngày 16/12/2009 của Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Ngọc Nhã U - sinh ngày 15/9/2011 cho bà Trương Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T tự nguyện không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Đỗ Minh Đ và bà Trương Thị Thanh T chịu.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1./ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Minh Đ và bà Trương Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Ngọc Nhã U - sinh ngày 15/9/2011 cho bà Trương Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2./ Về lệ phí Tòa án: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Đỗ Minh Đ và bà Trương Thị Thanh T phải chịu, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Đỗ Minh Đ và bà Trương Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0058142 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Đỗ Minh Đ và bà Trương Thị Thanh T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3./ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. T;
- Hai bên đương sự;
- UBND phường B, quận T,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Thị Thu

